



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 4 từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 4 từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

Gồm có:

- 01- Bảng cân đối kế toán*
- 02- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 03- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 04- Thuyết minh báo cáo tài chính*



CÔNG TY CỔ PHẦN KHU' TRUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Kỳ kế toán Quý 4 từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,375,284,985,629	1,094,450,717,775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	329,819,036,637	170,421,209,496
1. Tiền	111		104,819,036,637	170,421,209,496
2. Các khoản tương đương tiền	112		225,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	40,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		541,781,273,810	496,079,264,032
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	548,020,568,385	485,386,376,288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,949,722,535	13,726,333,045
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	12,014,404,191	28,053,174,061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(21,320,905,040)	(31,086,619,362)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1,117,483,739	-
IV. Hàng tồn kho	140		501,790,507,052	383,966,046,416
1. Hàng tồn kho	141	V.6	504,282,856,077	389,184,418,157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2,492,349,025)	(5,218,371,741)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,894,168,130	3,984,197,831
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.1	1,894,168,130	2,999,546,007
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	984,651,824
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		448,062,662,621	405,120,755,728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,768,370,881	1,726,909,053
1. Phải thu dài hạn khác	216		1,768,370,881	1,726,909,053
II. Tài sản cố định	220		200,181,729,128	108,206,376,298
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	140,552,845,578	42,185,865,874
- Nguyên giá	222		236,989,471,153	137,986,315,607
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(96,436,625,575)	(95,800,449,733)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	59,628,883,550	66,020,510,424
- Nguyên giá	228		66,361,735,723	72,421,738,273
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6,732,852,173)	(6,401,227,849)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	32,387,074,807	36,942,109,304
- Nguyên giá	231		40,613,579,855	44,408,609,100
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(8,226,505,048)	(7,466,499,796)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,286,677,295	51,058,197,951
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2,286,677,295	51,058,197,951
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	205,854,514,098	204,165,005,362
1. Đầu tư vào công ty con	251		11,162,600,000	9,573,191,264
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193,304,814,098	193,304,814,098
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,249,390,000	2,249,390,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(862,290,000)	(962,390,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

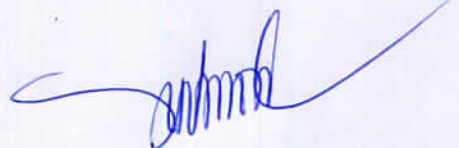
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,584,296,412	3,022,157,760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5,584,296,412	3,022,157,760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,823,347,648,250	1,499,571,473,503
NGUỒN VỐN				
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		982,475,196,573	727,410,912,074
I. Nợ ngắn hạn	310		884,362,699,881	649,748,197,952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	468,991,420,738	386,154,563,719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,819,135,793	1,853,592,983
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13,887,179,378	14,057,459,126
4. Phải trả người lao động	314		35,113,232,487	27,823,224,782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	40,686,345,041	10,418,725,665
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	121,149,986,025	122,697,645,289
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	195,025,952,841	86,151,804,396
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,689,447,578	591,181,992
II. Nợ dài hạn	330		98,112,496,692	77,662,714,122
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	36,771,480,712	36,796,348,200
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	61,341,015,980	40,866,365,922
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		840,872,451,677	772,160,561,429
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	840,872,451,677	772,160,561,429
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237,701,890,000	182,854,360,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237,701,890,000	182,854,360,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	26,763,978,592
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(20,000,000)	(20,000,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		203,462,343,942	231,545,895,350
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		19,032,066,911	26,976,673,911
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		380,696,150,824	304,039,653,576
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		325,135,154,141	187,681,794,941
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55,560,996,683	116,357,858,635
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,823,347,648,250	1,499,571,473,503

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)


Phạm Thị Ngọc Phương**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)


Trần Văn Dũng

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Trương Công Cứ**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ kế toán Quý 4 từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

Stt	Diễn giải	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
100	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	673,932,779,427	578,000,655,178	2,324,392,967,455	2,392,304,124,239
110	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	56,328,276,536	44,115,958,424	143,225,376,253	134,001,932,922
120	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		617,604,502,891	533,884,696,754	2,181,167,591,202	2,258,302,191,317
130	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	509,427,170,504	440,718,694,566	1,691,990,394,215	1,681,046,784,595
140	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108,177,332,387	93,166,002,189	489,177,196,987	577,255,406,722
150	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	4,927,718,579	3,374,021,615	19,917,147,435	12,211,577,236
160	7. Chi phí tài chính	VI.5	4,988,322,574	4,423,837,554	16,664,418,937	15,516,257,326
161	- trong đó: chi phí lãi vay		2,407,340,234	803,151,175	8,306,269,471	3,415,277,259
170	8. Chi phí bán hàng	VI.6	54,408,053,191	37,861,556,338	311,973,927,569	331,922,446,444
180	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	13,763,045,377	10,712,904,940	42,204,406,368	51,506,277,592
190	10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD		39,945,629,824	43,541,724,971	138,251,591,548	190,522,002,597
200	11. Thu nhập khác		30,245,657,708	1,495,064,503	47,047,043,267	6,762,013,815
210	12. Chi phí khác		851,483,624	1,072,920,582	4,328,242,255	8,883,059,593
220	13. Lợi nhuận khác		29,394,174,084	422,143,921	42,718,801,012	(2,121,045,778)
230	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69,339,803,908	43,963,868,892	180,970,392,560	188,400,956,819
240	15. Chi phí TNDN hiện hành	VI.8	13,778,807,225	8,932,843,026	36,671,769,358	39,141,737,619
260	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		55,560,996,683	35,031,025,866	144,298,623,202	149,259,219,200

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Ngọc Phương

Trần Văn Dũng

Trương Công Cứ



Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	180,970,392,560	188,400,956,819
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	15,404,505,087	20,882,173,926
Các khoản dự phòng	03	(12,591,837,038)	(14,643,443,301)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	76,170,361	1,074,094,826
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(59,027,347,417)	(318,390,883)
Chi phí lãi vay	06	8,306,269,471	3,415,277,259
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	133,138,153,024	198,810,668,646
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34,993,105,460)	(135,491,167,643)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(115,098,437,920)	47,467,957,886
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	126,111,680,684	(28,543,623,558)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1,456,760,775)	(701,214,383)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6,570,769,211)	(2,580,983,893)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38,624,702,725)	(39,594,726,652)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	49,999,998	255,858,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(16,748,107,000)	(13,682,033,996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45,807,950,615	25,940,734,407
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(63,646,180,228)	(66,770,165,526)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	49,576,442,273	235,090,909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	40,000,000,000	(40,000,000,000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(446,600,000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,450,905,144	3,253,437,693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	35,381,167,189	(103,728,236,924)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	6,741,100,000
2. Tiền thu từ đi vay	33	786,176,467,882	474,060,048,387
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(656,827,669,379)	(347,041,878,069)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51,160,585,425)	(53,560,169,475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	78,188,213,078	80,199,100,843
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	159,377,330,882	2,411,598,326

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU TRUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	170,421,209,496	167,945,742,218
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	20,496,259	63,868,952
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	329,819,036,637	170,421,209,496

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Trần Văn Dũng

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trương Công Cứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 07 năm 2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 237.701.890.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.229 (31 tháng 12 năm 2016 là: 1.249).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, thương mại và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở).
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Buôn bán phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng.
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi.
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp.
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 134/2013/TT-BTC).
- Đóng gói giống cây trồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2016.

IV. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
1. Tiền		
- Tiền mặt	5,990,409,502	18,386,454,050
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	98,828,627,135	152,034,755,446
- Các khoản tương đương tiền	225,000,000,000	
Cộng	329,819,036,637	170,421,209,496
2. Các khoản đầu tư tài chính		
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	205,854,514,098	204,165,005,362
- Đầu tư vào công ty con	11,162,600,000	9,573,191,264
+ <i>Giá gốc</i>	11,162,600,000	9,573,191,264
+ <i>Dự phòng</i>	-	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	193,304,814,098	193,304,814,098
+ <i>Giá gốc</i>	193,304,814,098	193,304,814,098
Công ty TNHH Hải Yến	179,514,814,098	179,514,814,098
Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông	13,790,000,000	13,790,000,000
+ <i>Dự phòng</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Đầu tư vào đơn vị khác;	1,387,100,000	1,287,000,000
+ Giá gốc	2,249,390,000	2,249,390,000
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	2,249,390,000	2,249,390,000
+ Dự phòng	(862,290,000)	(962,390,000)
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	(862,290,000)	(962,390,000)
Số lượng CP đầu tư vào Cty BVTV Sài Gòn : 71.500CP		

Cộng	205,854,514,098	204,165,005,362
-------------	------------------------	------------------------

3. Phải thu của khách hàng *Cuối kỳ* *Đầu kỳ*

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	548,020,568,385	485,386,376,288
-------------------------------------	-----------------	-----------------

- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng không có

4. Phải thu khác *Cuối kỳ* *Đầu kỳ*

a) Ngắn hạn

- Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	194,439,297	115,488,400
- Phải thu về khách hàng liên quan mua lại đất	2,951,742,000	1,211,742,000
- Phải thu người lao động về thuế TNCN nộp hộ	34,654,611	816,654,238
- Phải thu về chiết khấu mua hàng của nhà cung cấp	-	17,233,057,760
- Phải thu khác.	5,326,726,658	3,922,086,225
- Tạm ứng	2,940,044,077	2,689,823,483
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	566,797,548	2,064,321,955

Cộng	12,014,404,191	28,053,174,061
-------------	-----------------------	-----------------------

b) Dài hạn

- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1,768,370,881	1,726,909,053
---------------------------	---------------	---------------

Cộng	1,768,370,881	1,726,909,053
-------------	----------------------	----------------------

5. Nợ xấu *Cuối kỳ* *Đầu kỳ*

- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán		
+ Giá gốc nợ	13,781,717,507	19,502,327,879
+ Giá trị có thể thu hồi	8,028,450,816	11,169,654,185
- Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi		
+ Giá gốc nợ	17,679,103,405	24,795,040,414
+ Giá trị có thể thu hồi	2,111,465,056	2,041,094,746

Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã được trích lập dự phòng đầy đủ.

6. Hàng tồn kho: *Cuối kỳ* *Đầu kỳ*

- Hàng đang đi trên đường;	14,523,630,545	12,190,944,800
- Nguyên liệu, vật liệu;	180,349,075,567	140,993,623,339
- Công cụ, dụng cụ;	1,512,000,625	1,521,540,078
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	8,313,850,929	5,803,468,343
- Thành phẩm;	46,531,228,734	46,118,535,959
- Hàng hóa;	253,053,069,677	182,556,305,638

Cộng	504,282,856,077	389,184,418,157
-------------	------------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

7. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

+ Dự án Nhà máy thuốc Thuốc BVTV Tại Long An

+ Dự án PCCC Kho Hóc Môn

+ Dự án Cần Thơ

+ Dự án An Giang

Cuối kỳ

Đầu kỳ

64,736,200

51,027,768,451

30,429,500

45,454,545

2,176,486,550

2,286,677,295

51,058,197,951

Cộng

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Phụ lục 1 trang 15

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	68,348,995,773	4,072,742,500	72,421,738,273
- Mua trong năm	-	258,421,000	258,421,000
- Tặng khác	2,938,793,324		
- Thanh lý, nhượng bán	4,594,747,270		
- Giảm khác	4,662,469,604		
Số dư Cuối kỳ	62,030,572,223	4,331,163,500	66,361,735,723
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư Đầu kỳ	3,660,322,700	2,740,905,149	6,401,227,849
- Khấu hao trong năm	910,399,224	566,380,460	1,476,779,684
- Thanh lý, nhượng bán	1,043,194,744		
- Giảm khác	101,960,616		
Số dư Cuối kỳ	3,425,566,564	3,307,285,609	6,732,852,173
Giá trị còn lại			
- Tại ngày Đầu kỳ	64,688,673,073	1,331,837,351	66,020,510,424
- Tại ngày Cuối kỳ	58,605,005,659	1,023,877,891	59,628,883,550
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:			2,286,049,344

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà, Văn phòng làm việc	Tổng cộng
a) Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	7,619,891,500	19,555,738,511	27,175,630,011
Số dư Cuối kỳ	7,619,891,500	19,555,738,511	27,175,630,011
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư Đầu kỳ		7,466,499,796	7,466,499,796
- Khấu hao trong năm		760,005,252	760,005,252
Số dư Cuối kỳ	-	8,226,505,048	8,226,505,048
Giá trị còn lại			
- Tại ngày Đầu kỳ	7,619,891,500	12,089,238,715	19,709,130,215
- Tại ngày Cuối kỳ	7,619,891,500	11,329,233,463	18,949,124,963

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà, Văn phòng làm việc</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</i>			
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
- Mua trong năm	854,400,000	268,800,000	1,123,200,000
- Tăng khác	4,662,469,604		4,662,469,604
- Thanh lý, nhượng bán	5,402,945,525		5,402,945,525
- Giảm khác	2,938,793,324	1,238,960,000	4,177,753,324
Số dư Cuối kỳ	11,289,149,844	2,148,800,000	13,437,949,844
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ		-	-
Số dư Cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
- Tại ngày Cuối kỳ	11,289,149,844	2,148,800,000	13,437,949,844
11. Chi phí trả trước			
<i>a) Ngắn hạn</i>		<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;		1,064,441,523	2,151,001,028
- Chi phí thuê VP, kho bãi		271,949,999	393,650,000
- Bảo hiểm		335,593,717	264,608,292
- Chi phí trả trước khác		222,182,891	190,286,687
Cộng		1,894,168,130	2,999,546,007
<i>b) Dài hạn</i>			
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;		5,259,829,187	2,945,736,780
- Chi phí thuê VP, kho bãi			76,420,980
- Chi phí trả trước khác		324,467,225	
Cộng		5,584,296,412	3,022,157,760
12. Vay và nợ thuê tài chính			
		<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
Vay ngắn hạn			
+ Giá trị		195,025,952,841	86,151,804,396
+ Số có khả năng trả nợ		195,025,952,841	86,151,804,396
- Trong năm			
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm		761,889,067,636	515,880,324,425
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm		653,014,919,191	429,728,520,029
Vay dài hạn			
+ Giá trị		61,341,015,980	40,866,365,922
+ Số có khả năng trả nợ		61,341,015,980	40,866,365,922
- Trong năm			
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm		24,287,400,246	40,866,365,922
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm		3,812,750,188	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

13. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công Ty TNHH Syngenta Việt Nam	468,991,420,738	468,991,420,738	386,154,563,719	386,154,563,719
Itochu Chemical Frontier Coporation		-	50,127,845,600	50,127,845,600
- Phải trả cho các đối tượng khác	367,038,003,026	367,038,003,026	292,972,871,305	292,972,871,305
	101,953,417,712	101,953,417,712	43,053,846,814	43,053,846,814
Cộng	468,991,420,738	468,991,420,738	386,154,563,719	386,154,563,719

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

Phụ lục 2 trang 16

15. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>Ngắn hạn</i>	40,686,345,041	10,418,725,665
- Chi phí trích trước chính sách bán hàng	40,686,345,041	10,418,725,665
Cộng	40,686,345,041	10,418,725,665

16. Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>a) Ngắn hạn</i>		
- Kinh phí công đoàn;	1,019,302,613	881,752,118
- Bảo hiểm xã hội;	8,960,183	19,343,218
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	254,613,800	134,850,050
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	32,757,575	-
- Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV	2,096,317,238	698,359,071
- Tiền mượn công ty TNHH Hải Yến	116,500,000,000	116,500,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,238,034,615	4,463,340,832
Cộng	121,149,986,025	122,697,645,289
<i>b) Dài hạn</i>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,986,580,712	2,011,448,200
- Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến	34,784,900,000	34,784,900,000
Cộng	36,771,480,712	36,796,348,200

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem phụ lục 3 trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Vốn góp của các cổ đông	237,701,890,000	182,854,360,000
Cộng	237,701,890,000	182,854,360,000
<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	237,701,890,000	182,854,360,000
+ Vốn góp Đầu kỳ	182,854,360,000	176,854,360,000
+ Vốn góp tăng trong năm	54,847,530,000	6,000,000,000
+ Vốn góp Cuối kỳ	237,701,890,000	182,854,360,000
<i>d) Cổ phiếu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	23,770,189	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	18,285,436	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5,484,753	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	23,770,189	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	18,285,436	18,285,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5,484,753	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2,000	2,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	23,768,189	18,283,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	18,283,436	18,283,436
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	5,484,753	-
+ Số lượng cổ phiếu quỹ được tái phát hành	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		
<i>e) Cổ tức đã trả</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	51,193,343,000	53,502,088,000
<i>f) Các quỹ của doanh nghiệp:</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
+ Quỹ đầu tư phát triển;	203,462,343,942	231,545,895,350
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	17,475,127,025	17,475,127,025
+ Quỹ Hoạt động xã hội	1,556,939,886	9,501,546,886
Cộng	222,494,410,853	258,522,569,261
18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Kỳ này	Kỳ trước
<i>a) Tài sản nhận giữ hộ:</i>		73,655,802,757
<i>b) Ngoại tệ các loại:</i>		
USD	106,710.42	74,132.10
<i>c) Nợ khó đòi đã xử lý:</i>	34,803,117,505	33,707,856,188

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Kỳ này**Kỳ trước**a) Doanh thu*

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu BĐS đầu tư

570,669,516,521

500,667,040,061

84,381,884,953

74,660,172,295

18,881,377,953

2,673,442,822

Cộng**673,932,779,427****578,000,655,178****2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại;
- Hàng bán bị trả lại.

56,302,634,536

43,905,755,424

25,642,000

210,203,000

Cộng**56,328,276,536****44,115,958,424****3. Giá vốn hàng bán***Kỳ này**Kỳ trước*

- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán;
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.

450,385,825,415

397,737,888,253

52,648,507,549

45,653,268,577

4,562,240,697

198,616,351

2,492,349,025

5,218,371,741

(661,752,182)

(8,089,450,356)

Cộng**509,427,170,504****440,718,694,566****4. Doanh thu hoạt động tài chính***Kỳ này**Kỳ trước*

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá;
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

2,695,888,314

577,048,849

150,385,265

90,594,262

2,081,445,000

2,706,348,504

30,000

Cộng**4,927,718,579****3,374,021,615****5. Chi phí tài chính***Kỳ này**Kỳ trước*

- Lãi tiền vay;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;

2,407,340,234

803,151,175

2,624,181,000

1,993,473,757

21,151,340

1,584,312,622

(64,350,000)

42,900,000

Cộng**4,988,322,574****4,423,837,554****6. Thu nhập khác***Kỳ này**Kỳ trước*

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Lãi do đánh giá lại tài sản;
- Tiền phạt thu được;
- Các khoản khác.

28,826,112,705

(409,990,547)

31,592,204

11,046,190

1,387,952,799

1,894,008,860

Cộng**30,245,657,708****1,495,064,503**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

	Kỳ này	Kỳ trước
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt;	-	654,545,455
- Các khoản khác.	851,483,624	418,375,127
Cộng	851,483,624	1,072,920,582
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương và chi phí khác	49,263,025,294	31,972,161,537
- Chi phí khấu hao	1,486,167,056	1,502,249,879
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,658,860,840	4,387,144,922
Cộng	54,408,053,190	37,861,556,338
b) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương và chi phí khác	12,383,130,028	9,231,287,185
- Chi phí khấu hao	640,495,521	736,835,575
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	739,419,828	744,782,180
Cộng	13,763,045,377	10,712,904,940
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	418,047,983,041	406,242,012,515
- Chi phí nhân công; và chi phí khác	87,822,039,613	62,528,408,604
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,037,900,132	3,124,630,231
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	5,970,245,564	6,350,619,587
Cộng	516,878,168,351	478,245,670,937
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13,778,807,225	8,932,843,026

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 01 năm 2018.

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2018

Trần Văn Dũng
Kế toán trưởng

Trương Công Cứ
Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KHU' TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Phụ lục 1**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	44,835,019,972	11,037,599,159	77,965,422,520	4,025,393,456	122,880,500	137,986,315,607
- Mua trong năm	96,836,827,680	5,798,045,259	4,528,712,500	2,351,205,973	3,208,592,674	112,723,384,086
- Tăng khác	8,325,759,092					8,325,759,092
- Thanh lý, nhượng bán	11,983,827,382	640,913,894	2,572,554,169	30,604,914		15,227,900,359
- Giảm khác	6,818,087,273			-		6,818,087,273
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>131,195,692,089</u>	<u>16,194,730,524</u>	<u>79,921,580,851</u>	<u>6,345,994,515</u>	<u>3,331,473,174</u>	<u>236,989,471,153</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						-
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	19,856,513,219	9,034,547,184	63,294,418,050	3,495,299,113	119,672,167	95,800,449,733
- Khấu hao trong năm	4,286,941,289	895,276,025	6,944,230,883	817,156,775	224,115,179	13,167,720,151
- Thanh lý, nhượng bán	9,287,471,332	640,913,894	2,572,554,169	30,604,914		12,531,544,309
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>14,855,983,176</u>	<u>9,288,909,315</u>	<u>67,666,094,764</u>	<u>4,281,850,974</u>	<u>343,787,346</u>	<u>96,436,625,575</u>
Giá trị còn lại						-
- Tại ngày Đầu kỳ	24,978,506,753	2,003,051,975	14,671,004,470	530,094,343	3,208,333	42,185,865,874
- Tại ngày Cuối kỳ	<u>116,339,708,913</u>	<u>6,905,821,209</u>	<u>12,255,486,087</u>	<u>2,064,143,541</u>	<u>2,987,685,828</u>	<u>140,552,845,578</u>
- Nguyên giá TSCĐ Cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						60,960,799,356

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Phụ lục 2**14. Thuế và các khoản (phải thu) / phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 31/12/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		3,550,312,883	231,595,366,088	229,336,119,247	-	5,809,559,724
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(981,630,215)		28,209,399,823	27,227,769,608	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(3,021,609)		3,477,263,461	3,474,241,852	-	-
Thuế TNDN		8,932,843,026	37,158,725,197	38,624,702,725	-	7,466,865,498
Thuế thu nhập cá nhân		1,064,842,856	10,956,422,557	11,736,809,150	-	284,456,263
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			20,234,305	20,234,305	-	-
Thuế môi trường			533,684,800	533,684,800	-	-
Các loại thuế khác		509,460,361	3,947,606,364	4,130,768,832	-	326,297,893
Cộng	(984,651,824)	14,057,459,126	315,898,702,595	315,084,330,519	-	13,887,179,378

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tông Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 4 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Phụ lục 3**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	6,000,000,000	-	-	-	-	-	6,000,000,000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	741,100,000	-	-	-	741,100,000
Lãi trong năm 2016	-	-	-	-	-	149,259,219,200	149,259,219,200
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	3,000,000,000	(3,000,000,000)	-
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2015 và 2016	-	-	-	-	-	(32,370,618,565)	(32,370,618,565)
Chi trả cổ tức năm 2015 và 2016	-	-	-	-	-	(53,502,088,000)	(53,502,088,000)
Tăng khác	-	-	-	-	255,858,000	-	255,858,000
Giảm khác	-	-	-	-	(2,097,454,000)	(5,345,102,365)	(7,442,556,365)
Số dư tại ngày 31/12/2016	182,854,360,000	26,763,978,592	(20,000,000)	231,545,895,350	26,976,673,911	304,039,653,576	772,160,561,429
Lãi trong năm 2017						144,298,623,202	144,298,623,202
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2016 và 2017						(15,853,855,655)	(15,853,855,655)
Tăng vốn trong năm nay	54,847,530,000						54,847,530,000
Chi trả cổ tức năm 2016 + 2017						(51,193,343,000)	(51,193,343,000)
Giảm khác		(26,763,978,592)		(28,083,551,408)	(7,944,607,000)	(594,927,298)	(63,387,064,298)
Số dư tại ngày 31/12/2017	237,701,890,000	-	(20,000,000)	203,462,343,942	19,032,066,911	380,696,150,825	840,872,451,677